

**PHỤ LỤC III: CÁC BẢNG
CHỈ DẪN AN TOÀN HÓA
CHẤT (MSDS)**

Phiếu An Toàn Hóa Chất		 All for dreams LUBE (MỠ BÔI TRƠN)	
Tên chất hoặc tên sản phẩm			
PHẦN I: Thông tin sản phẩm và doanh nghiệp			
- Tên thường gọi của chất: LUBE (MỠ BÔI TRƠN)		Mã sản phẩm (nếu có)	
- Tên thương mại: LUBE			
- Tên khác (không là tên khoa học):			
- Tên nhà cung cấp: Lube corp		Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp 03-3204-8520	
- Tên nhà sản xuất và địa chỉ: Horizon 1.3-30-6, Nishiwaseda, Shinjuku-Ku, Tokyo, 169-0051 Japan.			
- Mục đích sử dụng: chất mỡ bôi trơn dùng để bôi trơn.			
PHẦN II: Thông tin về thành phần nguy hiểm			
Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Dầu	64742-54-7 764742-57-0	Chưa có thông tin	76%-81%
Chất tạo đặc(Lithium Soap)	7620-77-1	Chưa có thông tin	6%-11%
Phụ gia		Chưa có thông tin	11%-16%
PHẦN III: Nhận dạng nguy hiểm			
1. Mức xếp loại nguy hiểm : Chưa có thông tin 2. Cảnh báo nguy hiểm : - Dễ cháy. - Lưu ý khi tiếp xúc, sử dụng : đảm bảo đeo găng tay cao su bảo vệ, kính bảo vệ mắt, khẩu trang. 3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng - Dính vào mắt : gây ngứa mắt, viêm tấy. - Đường thở : nếu phải hít chất gây nôn, khó thở. - Đường da: gây ngứa . - Đường tiêu hóa : nếu nuốt phải chất này thì gây nôn mửa, khó thở.			
PHẦN IV: Biện pháp sơ cứu khi gặp tai nạn			
1. Nếu chất này dính vào mắt thì hãy mở to mắt và rửa sạch với nước đang chảy khoảng 15 phút sau đó phải tư vấn với bác sỹ. 2. Đường da: rửa ngay với nước và xà phòng. 3. Đường thở : nếu phải hít chất này nên di chuyển đến nơi thoáng mát, hỉ mũi và súc miệng. 4. Đường tiêu hóa : nếu nuốt phải chất này thì ép nôn mửa ra và tư vấn ngay với bác sỹ.			

PHẦN V: Biện pháp chữa cháy

1. Xếp loại về tính cháy: dễ cháy
2. Các tác nhân gây cháy, nổ : tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát...
3. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác: Nước phun sương, bột chữa cháy, hóa chất khô và CO₂.
4. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy: áo chống cháy, bình thở oxy...

PHẦN VI: Biện pháp xử lý khi gặp sự cố tràn đổ, rò rỉ

1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ: lau sạch bằng vải khô trước.
2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng: đóng bít chỗ rò rỉ, ngăn chặn dòng chảy bằng vải, túi cát, dùng túi cát rải đều trên bề mặt tràn đổ. Tập trung nó ở nơi đã chỉ định hoặc yêu cầu công ty dịch vụ xử lý rác thải công nghiệp đến khắc phục.

PHẦN VII: Sử dụng và bảo quản

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm : Khi sử dụng đừng có hít phải hơi dầu. Tránh nuốt phải nó.
2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản : tránh phơi nó dưới ánh nắng mặt trời, bảo quản ở nơi thông thoáng.

PHẦN VIII: Kiểm soát tiếp xúc và phương tiện bảo hộ cá nhân

- Bảo vệ mắt : mang kính bảo hộ.
- Bảo vệ thân thể : mặc áo tay dài.
- Bảo vệ tay : đeo găng tay không thấm dầu (cao su).
- Bảo vệ chân : giày bảo hộ.

PHẦN IX: Đặc tính hóa lý

Trạng thái vật lý : không đặc, không lỏng	Điểm sôi (°C): Chưa có thông tin
Màu sắc: xanh lá cây.	Điểm nóng chảy (°C)>200độ
Mùi đặc trưng	Điểm bùng cháy (°C) (Flash point) theo phương pháp xác định
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn	Nhiệt độ tự cháy (°C): Chưa có thông tin
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): Chưa có thông tin
Độ hòa tan trong nước : không hòa tan.	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): Chưa có thông tin
Độ PH: Chưa có thông tin	Tỷ lệ hoá hơi: Chưa có thông tin
Khối lượng riêng (kg/m ³): Chưa có thông tin	Các tính chất khác nếu có

PHẦN X: Tính ổn định và khả năng phản ứng

1. Tính ổn định : ổn định.
2. Khả năng phản ứng:
 - Giữ cách xa nguồn nhiệt, có thể phân hủy sản phẩm do nhiệt.
 - Giữ cách xa các chất oxy hóa mạnh.

PHẦN XI: Thông tin về độc tính

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Oral	LD50		Da, hô hấp...	Chuột, thỏ...
. Các ảnh hưởng độc khác như gây dị ứng với da, với mắt: có thể dẫn đến dưới quá trình tiếp xúc lâu dài				

PHẦN XII: Thông tin về sinh thái môi trường
Chưa có thông tin về ảnh hưởng môi trường
PHẦN XIII: Biện pháp và quy định về tiêu hủy hóa chất
Tiêu hủy thông qua quy định pháp luật hiện hành.
PHẦN XIV: Quy định về vận chuyển
Chưa có thông tin
PHẦN XV: Thông tin về luật pháp
1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới : TSCA, MITI
2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký : Chưa có thông tin
PHẦN XVI: Thông tin khác
Ngày tháng biên soạn phiếu: 13/09/2004
Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 13/09/2004
Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Lube corp
Lưu ý người đọc: Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Hoá chất nguy hiểm trong phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.



BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN HÓA CHẤT

Tài liệu số 2084-B

1. Thông tin công ty và sản phẩm

Tên sản phẩm *Seal-glo* 630RB-H
Tên công ty FUJI CHEMICAL INDUSTRIAL CO., LTD.
Địa chỉ 3-1-7, Nagata Higashi, Higashi Osaka-City, Osaka 577-0012 Japan
FAX 81-6-6744-8840
Điện thoại 81-6-6744-8800
Tài liệu SDS số 2084-B
Dữ liệu chuẩn bị 2014.07.29
Sửa đổi lần cuối 2016.09.23

2. Nhận biết mức độ nguy hiểm

2-1 Phân loại theo GHS

2-1-1 Rủi ro thân thể

Chất lỏng dễ cháy

Category 2

Nguy hiểm cho sức khỏe

Nhiễm độc cấp tính qua miệng

Category 4

Ăn mòn/ kích ứng da

Category 3

Kích ứng/ tổn thương mắt

Category 2B

Gây hại lên cơ quan khi tiếp xúc một lần

Category 3

(tác dụng gây ngù)

Độc tính khi hít phải

Category 1

2-1-2 Nguy hại đến môi trường

Nhiễm độc môi trường nước (cấp tính)

Category 2

Nhiễm độc môi trường nước (mãn tính)

Category 2

2-2 Nhãn GHS

2-2-1 Biểu tượng



2-2-2 Tín hiệu DANGER (NGUY HIỂM)

2-2-3 Cảnh báo nguy hại

Chất lỏng và thể hơi dễ cháy

Nguy hại nếu nuốt phải

Gây kích ứng da

Gây kích ứng mắt nghiêm trọng

Có thể gây chóng mặt buồn ngủ

Có thể gây tử vong nếu nuốt phải/ đi vào đường hô hấp

Gây độc hại cho thủy sinh

Gây hại và ảnh hưởng lâu dài đối với thủy sinh

2-3 Biện pháp phòng ngừa

Ngăn ngừa

Giữ kho chứa được đóng kín, khóa chặt

Cấm hành động ăn, uống hay hút thuốc khi đang sử dụng sản phẩm

Tránh xa nhiệt/ tia lửa/ ngọn lửa hở

Không xử lý cho đến khi đã đọc hiểu tất cả các biện pháp phòng ngừa an toàn

PRODUCT NAME: *Seal-glo 630RB-H* DOCUMENT NO. 2084-B DATES: Sep 23, 2016

Được hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng
Đeo găng bảo vệ tay và bảo vệ mắt/ mặt
Khi sử dụng dụng cụ bảo hộ/ máy thở tránh để hở
Rửa tay kỹ càng sau khi cầm đồ vật
Không xả rác ra môi trường
Không phun sương/ hơi/ phun
Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc trong khu vực thông gió tốt.
Biện pháp đối phó
Trong trường hợp hòa hoãn, hãy ngăn chặn rò rỉ (nếu an toàn)
Nếu hít phải: đưa nạn nhân đến nơi có không khí trong lành và giữ nằm ở vị trí dễ
thở, nghỉ ngơi
Nếu dính vào mắt: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút
Nếu dính trên da: Rửa nhẹ nhàng với nhiều xà phòng và nước
Ngay lập tức gọi cho trung tâm chống độc hoặc nhân viên y tế
Lưu trữ: Bảo quản ở nơi thoáng mát.
Xử lý: Tiêu hủy sản phẩm/ thùng chứa theo quy định của địa phương/
quốc gia

3. Thông tin thành phần nguy hiểm

Đơn chất hoặc Hợp chất: Hỗn hợp

Tên thành phần	Hàm lượng (wt%)	Số CAS
Rubber based resin	10~20	Đã đăng ký
Hydrocarbons resin	1~10	Đã đăng ký
Methylcyclohexane	70~90	108-87-2
Dye	0.01~0.1	Đã đăng ký

4. Các biện pháp sơ cứu

Trong trường hợp tiếp xúc với mắt
Rửa mắt cẩn thận bằng nước trong vài phút.
Nếu vẫn bị kích ứng ở mắt, hãy tìm trợ giúp y tế
Trong trường hợp tiếp xúc với da
Rửa bằng nhiều xà phòng và nước
Cởi bỏ quần áo bị dính bẩn và giặt sạch trước khi dùng lại.
Nếu vẫn kích ứng da tham khảo ý kiến điều trị của bác sĩ.
Trường hợp hít phải
Di chuyển đến nơi có không khí trong lành và giữ nằm ở vị trí dễ thở
Nếu nuốt phải
Lập tức gọi cho trung tâm chống độc hoặc bác sĩ.
Không cố nôn ói

5. Các biện pháp phòng cháy chữa cháy

Chữa cháy

Đám cháy lớn được kiểm soát tốt nhất bằng chất chữa cháy dạng bột. Di tản nhân viên ra khỏi khu vực nguy hiểm (di chuyển ngược hướng lửa cháy)

Phương tiện chữa cháy

Bọt, carbon dioxide hoặc hóa chất khô. Sử dụng thiết bị thở khép kín nếu có

6. Các biện pháp giảm thiểu rủi ro

Nguy hại đối với môi trường

Ngăn sản phẩm đi vào cống rãnh hoặc nguồn nước mở

Phương pháp làm sạch

Cạo cặn sạch càng tốt. Làm sạch cặn bằng xà phòng và nước

Bảo quản trong hộp kín cho đến khi sẵn sàng để tiêu hủy

Tránh xả ra cống rãnh và nguồn cấp nước tự nhiên

7. Xử lý và bảo quản

Xử lý

Thông gió khu vực làm việc. Đóng các thùng chứa. Tránh tiếp xúc với mắt, da và quần áo.

Bảo quản

PRODUCT NAME: *Seal-glo 630RB-H* DOCUMENT NO. 2084-B DATES: Sep 23, 2016

Bảo quản hộp chưa mở trong điều kiện mát, khô và thông gió. Tránh xa sức nóng, tia lửa và ngọn lửa hở

8. Kiểm soát tiếp xúc/ phương tiện bảo hộ cá nhân

Nồng độ cho phép

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp của Trung Quốc đối với các tác nhân nguy hiểm tại nơi làm việc

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp (OELs)

Tên	Số CAS	Trọng số Thời gian Trung bình (PC- TWA)	Giới hạn phơi nhiễm ngắn hạn (PC-STEL)
Methylcyclohexane	108-87-2	1600 mg/m ³	2000 mg/ Kg

Bảo vệ đường hô hấp

Thông thường không bắt buộc. Trong không gian hạn chế, hãy đeo khẩu trang che nửa mặt với hộp chứa hơi hữu cơ và bộ lọc hạt tích hợp NPF20 (chỉ khí). Nếu sản phẩm được sử dụng bằng cách phun, hãy đeo máy thở.

Bảo vệ tay

Mang găng tay cao su khi thao tác với sản phẩm

Bảo vệ mắt

Mang kính bảo hộ

Bảo vệ cơ thể

Mang đồng phục lao động tiêu chuẩn, mang giày bảo hộ chống hóa chất, không bị thùng lỗ

9. Đặc tính vật lý/ hóa học của sản phẩm

Hình thái: Nhớt

Mùi: Mùi dung môi

pH: Không có thông tin

Điểm nóng chảy/ đông cứng: -126.7°C

Nhiệt độ sôi/ giới hạn: 101°C

Điểm chớp nháy(°C): -4°C

Nhiệt độ gây bốc cháy: Không có thông tin

Giới hạn phát nổ: Giới hạn dưới: 1.1%, giới hạn trên: 6.7%

Áp suất hơi: 5.73kPa(25°C)

Mật độ hơi: 3.4

Mật độ tương đối: 0.81

Độ hòa tan: Không hòa tan

Hệ số phân vùng: octanol/ nước: log Pow 3.6

Nhiệt độ phân hủy: Không có thông tin

10. Tính ổn định và khả năng phản ứng

Tính ổn định hóa học: Ổn định ở nhiệt độ và áp suất thông thường.

Khả năng phản ứng gây nguy hiểm: Phản ứng mạnh mẽ với các tác nhân oxy hóa mạnh và gây nguy hiểm cháy nổ

Điều kiện cần tránh: Nhiệt độ cao, nguồn lửa, ánh nắng trực tiếp

Vật liệu không tương thích: Hộp chất oxi hóa mạnh, chất khử

Sản phẩm phân hủy nguy hiểm: Tạo ra khí độc hại (acetaldehyde, carbon monoxide và carbon dioxide) nếu đốt cháy.

11. Thông tin về độc tính

Độc cấp tính

(Thử nghiệm trên chuột) Methylcyclohexane

Bảng đường miệng (LD50) 3200 mg/Kg

Hít phải (LC50) 36900 mg/ m³

Qua da (LD50) 86700 mg/ Kg

Kích ứng da

Gây kích ứng da nhẹ

Kích ứng/ gây tổn thương mắt

Gây kích ứng mắt

Mẫn cảm da hoặc hô hấp

Không có thông tin

Khả năng gây đột biến tế bào mầm

Không có thông tin

Khả năng gây ung thư

Không có thông tin

Gây hại đối với sức khỏe sinh sản

Không có thông tin

PRODUCT NAME *Seal-glo 630RB-H* DOCUMENT NO. 2084-B DATES: Sep 23, 2016

Gây hại lên cơ quan sau 1 lần đơn nhiễm	Có thể gây chóng mặt và buồn ngủ
Gây hại cơ quan qua phơi nhiễm lặp lại kéo dài	Không có thông tin
Gây độc khi hít phải	Có thể gây tử vong nếu nuốt hoặc hít phải.

12. Thông tin về môi trường sinh thái

Độc tính sinh thái	
Độc tính sinh thái	Methylcyclohexane LC50 = 3300 µg/L
Tính bền bỉ và khả năng phân hủy	Không có thông tin
Tiềm năng tích tụ sinh học	Không có thông tin
Tính di động trong đất	Không có thông tin

13. Xử lý tiêu hủy

Phương pháp xử lý;

Tiêu hủy sản phẩm:

Tuân thủ các tiêu chuẩn/ quy định liên quan do chính quyền địa phương/ quốc gia ban hành;

Bao bì đóng gói bị nhiễm bẩn: tái chế các thùng chứa sau khi làm sạch, hoặc thực hiện việc tiêu hủy theo luật và quy định liên quan, tuân thủ các tiêu chuẩn của chính quyền địa phương

Biện pháp phòng ngừa xử lý chất thải;

Trước khi tiêu hủy nên tham khảo các quy định của địa phương và quốc gia.

Tránh gây ô nhiễm môi trường trong quá trình xử lý.

14. Thông tin vận chuyển**Vận tải đường bộ**

Số UN	1263
Tên vận chuyển	Liên quan đến nguyên liệu sơn
Loại	3
Nhóm hàng	II
Nhãn nguy hiểm	3

Vận tải đường biển

Số UN	1263
Tên vận chuyển	Liên quan đến nguyên liệu sơn
Loại	3
Nhóm hàng	II
Ô nhiễm biển	YES

Vận tải đường hàng không

Số UN	1263
Tên vận chuyển	Liên quan đến nguyên liệu sơn
Phân loại	3
Nhóm hàng	II

Thông tin khác

Tránh vận chuyển chung với các tác nhân oxyt mạnh, thức ăn/ thức ăn chăn nuôi

Khi dừng lại, tránh xa nguồn nhiệt/ tia lửa /ngọn lửa hở/ hơi nóng...

Phương tiện vận chuyển phải được làm sạch hoàn toàn sau khi bàn giao.

Đánh dấu vận chuyển

**15. Thông tin pháp quy**

Các quy định liên quan đến hóa chất

No. CAS	EU	USA	Australia	Canada	Japan	Korea
	(EINECS)	(TSCA)	(AICS)	(DSL)	(ENCS)	(ECL)
108-87-2	Listed	Listed	Listed	Listed	Listed	Listed

16. Thông tin khác**Disclaimer (Từ chối trách nhiệm)**

Thông tin này dựa trên kiến thức hiện tại của chúng tôi và chỉ nhằm mục đích mô tả sản phẩm vì mục đích an toàn về sức khỏe và môi trường. Do đó, đây không phải là đảm bảo cho bất kỳ đặc tính cụ thể nào của sản phẩm.

BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN HÓA CHẤT (SDS)

1. THÔNG TIN SẢN PHẨM VÀ NHÀ SẢN XUẤT

Tên sản phẩm	Thiếc hàn không chì SN100Ce
Số tham chiếu	2047-NS_20171012
Tên công ty	Công ty TNHH Nihon Superior
Bộ phận	Bộ phận Đảm bảo Chất lượng
Địa chỉ	NS Building, 1-16-15, Esaka-Cho Suita-City, Osaka, 564-0063 Nhật Bản
Số điện thoại	+81-6-6380-1121
Số Fax	+81-6-6380-1262
Khuyến nghị sử dụng	Sử dụng trong công nghiệp, hàn

2. NHẬN DIỆN ĐẶC TÍNH NGUY HẠI CỦA HÓA CHẤT

Phân loại GHS

Dị ứng da : Loại 1A

Lưu ý: Các khoản mục không được liệt kê trong phân loại của GHS thuộc một trong các trường hợp "Không áp dụng", "Không thể phân loại", "Không được phân loại".

Nhãn GHS

Biểu tượng nguy hiểm



Từ cảnh báo : Cảnh báo

Cảnh báo nguy hiểm

- Có thể gây dị ứng da

Cảnh báo thận trọng

【Phòng ngừa】

- Không sử dụng sản phẩm này cho mục đích khác ngoài ứng dụng hàn.
- Tránh hít phải khói.
- Rửa tay kỹ sau khi xử lý.
- Không được phép mang quần áo bị nhiễm bẩn ra khỏi nơi làm việc.
- Đeo găng tay bảo hộ/quần áo bảo hộ/thiết bị bảo vệ mắt/bảo vệ mặt.

【Xử lý】

- **NEU TIẾP XÚC VỚI DA:** Rửa sạch với nhiều nước và xà phòng.
- Nếu xảy ra kích ứng da hoặc phát ban: nhận hỗ trợ tư vấn y tế.
- Cởi bỏ tất cả quần áo bị nhiễm bẩn và giặt sạch trước khi tái sử dụng.

【Bảo quản】

- Tránh những nơi có nhiệt độ, độ ẩm cao và tránh tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng mặt trời.

【Tiêu hủy】

- Vứt bỏ nội dung/hộp chứa theo quy định của địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.

3. HỢP PHẦN/THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

Phân loại hóa chất/hỗn hợp: Hỗn hợp

Tên hóa học hoặc mô tả sản phẩm: Thiếc hàn

Tên hóa học	Nồng độ (% khối lượng)	Số tham chiếu phân loại trong danh sách công báo (Nhật Bản)	CAS No.	Chú ý
		CSCL/ISHA		
Thiếc	Cân bằng	-	7440-31-5	
Đồng	0.0~0.4	-	7440-50-8	
Nicken	0.04~ 0.07	-	7440-02-0	
Germanium	Tối đa. 0.01	-	7440-56-4	

CSCL: Luật kiểm soát hóa chất
ISHA: Đạo luật An toàn và Sức khỏe
Công nghiệp

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU

Nếu hít phải:

- Di chuyển nạn nhân đến nơi thoáng khí và giữ nạn nhân ở tư thế thoải mái để dễ thở.

Nếu tiếp xúc với da:

- Ngay lập tức rửa sạch da bằng xà phòng và nước.
- Nếu bị kích ứng da hoặc dị ứng: Hỏi ý kiến tư vấn y tế.
- Giặt sạch quần áo nhiễm bẩn trước khi tái sử dụng.

Nếu tiếp xúc với mắt:

- Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu có để dễ dàng thực hiện rửa mắt.
- Ngay lập tức liên hệ với Trung tâm Chống Độc hoặc bác sĩ
- Nếu mắt vẫn bị kích ứng, nhận tư vấn/chăm sóc y tế.

Nếu nuốt phải:

- Súc rửa miệng
- Nhận tư vấn / chăm sóc y tế ngay lập tức.

Nếu xảy ra bất kỳ triệu chứng nào, tìm kiếm sự chăm sóc y tế ngay lập tức.

5. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

Phương tiện chữa cháy phù hợp

- Sử dụng chất chữa cháy phù hợp
- Bột, Khí carbon dioxide, Cát khô.

Chất chữa cháy không được sử dụng

- Phun nước trực tiếp

Các mối nguy cụ thể phát sinh từ hóa chất

- Nguy cơ loang kim loại nóng chảy (điểm nóng chảy khoảng 227°C-230°C) do nhiệt độ cao.
- Khả năng phát sinh khói độc do phân hủy bởi phản ứng đốt cháy và nhiệt độ cao.

Phương pháp chữa cháy cụ thể

- Sơ tán người đến nơi an toàn.
- Giăng dây khu vực xảy ra hỏa hoạn không cho phép những người không phận sự ra vào.
- Việc chữa cháy phải được thực hiện từ phía đón gió.

- Tránh rò rỉ nước thải càng nhiều càng tốt vì lý do môi trường.
- Chữa cháy phải được thực hiện bằng vòi tự động hoặc vòi phun theo dõi từ xa nhưng vẫn đảm bảo việc chữa cháy có hiệu quả.
- Di chuyển thùng chứa đến vị trí an toàn.
- Nên sử dụng các phương pháp bịt kín và ngăn sự tiếp xúc để dập tắt đám cháy kim loại.
- Nếu đám cháy quá lớn không thể dập tắt, hãy giăng dây khu vực cháy để cấm người ra vào.

Các biện pháp bảo vệ đặc biệt cho lính cứu hỏa

- Nhân viên cứu hỏa nên được trang bị bình dưỡng khí và quần áo bảo hộ chống hóa chất.

6. BIỆN PHÁP NGĂN NGỪA SỰ CỐ TRẦN ĐỔ

Các biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo hộ và quy trình khẩn cấp

- Trang bị thiết bị bảo hộ thích hợp để tránh tiếp xúc với da và mắt, bao gồm cả thiết bị bảo vệ đường hô hấp trong quá trình làm việc. (Tham khảo phần 8. BIỆN PHÁP HẠN CHẾ TIẾP XÚC / BẢO VỆ CÁ NHÂN)
- Giăng dây nơi có sự cố rò rỉ để cấm người ra vào.
- Ở hướng gió của ngọn lửa.
- Thông khí phòng kín trước khi vào.

Nếu sản phẩm này xảy ra sự cố tràn đổ dưới dạng kim loại nóng chảy (điểm nóng chảy khoảng 227°C-230°C),

- Không chạm vào bất kỳ vật chứa nào hoặc chỗ rò rỉ mà không có biện pháp bảo vệ thích hợp.
- Thu gom cẩn thận vật liệu bị đổ và cho vào hộp kín không tạo bụi sau khi đông đặc và làm mát.

Các biện pháp phòng ngừa đối với môi trường:

- Tránh phát tán vật liệu tràn đổ ra môi trường.
- Tránh để vật liệu chảy tràn và tiếp xúc với đất, nguồn nước, cống rãnh để không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường.

Các phương pháp, vật dụng làm sạch và ngăn ngừa sự ô nhiễm:

- Nếu có thể thực hiện được mà không gặp rủi ro, hãy ngăn chặn sự rò rỉ.
- Sự cố tràn không đáng kể: Lau dọn thu gom toàn bộ vật liệu bị tràn.
- Thu gom toàn bộ vật liệu rơi vãi hoặc sử dụng máy hút bụi công nghiệp phù hợp.
- Luôn xử lý theo quy định về môi trường của địa phương.

Các biện pháp phòng chống thiên tai thứ cấp

- Loại bỏ tất cả các nguồn gây cháy ngay lập tức. (Cấm hút thuốc và đốt lửa gần đó) • Tránh các cống rãnh, cống thoát nước và phòng ở tầng hầm hoặc phòng kín.

7. SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

【Sử dụng】

- Biện pháp kỹ thuật : Mang thiết bị bảo hộ thích hợp trong quá trình làm việc.
(Tham khảo phần 8. BIỆN PHÁP HẠN CHẾ TIẾP XÚC/BẢO VỆ CÁ NHÂN)
- Biện pháp phòng ngừa an toàn : Không sử dụng sản phẩm này với mục đích khác ngoài ứng dụng hàn.
Đọc hiểu kỹ các biện pháp phòng ngừa an toàn trước khi thao tác.
Tránh hít khói.
Trang bị hệ thống thông gió đầy đủ
Không gây rò rỉ, tràn đổ, văng tung tóe và gây phát sinh hơi do bất cẩn.
Tránh tiếp xúc với mắt, da và quần áo.
Không mang quần áo bị nhiễm bẩn khỏi nơi làm việc.
Tránh xa các nguồn nhiệt và nguồn phát lửa (ngọn lửa, tia lửa)
Không xử lý các vật chứa một cách bất cẩn.
Rửa tay kỹ càng sau khi xử lý.
Khi sử dụng không ăn, uống hoặc hút thuốc.
- Tránh tiếp xúc : Tham khảo phần 10. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG.

【Bảo quản】

- Điều kiện bảo quản an toàn : Tránh xa các chất oxy hóa.

Tránh những nơi có nhiệt độ và độ ẩm cao, tránh tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng mặt trời

- Hộp đựng và vật liệu đóng gói an toàn: Mặc dù không có quy định về đóng gói hoặc thùng chứa, nhưng cần bảo quản sản phẩm trong thùng chứa không bị hư hại để hạn chế tiếp xúc.

8. BIỆN PHÁP HẠN CHẾ TIẾP XÚC/BẢO VỆ CÁ NHÂN

Tên hóa học	Thông số kiểm soát	Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp/Giá trị ngưỡng giới hạn	
		JSOH	ACGIH
Thiếc	Chưa thiết lập	-	TWA 2 mg/m ³ (Thiếc và các hợp chất vô cơ của thiếc)
Đồng	Chưa thiết lập	-	TWA 0.2 mg/m ³ (Khói) TWA 1 mg/m ³ (Bụi, sương)
Nicken	Chưa thiết lập	1 mg/m ³ (Kim loại)	TWA 1.5 mg/m ³ (Yếu tố niken, phần hít vào)

JSOH: Hiệp hội sức khỏe nghề nghiệp

Nhật Bản

ACGIH: Hội nghị đảm bảo vệ sinh công nghiệp

Hoa Kỳ

【Biện pháp kỹ thuật】

• Nếu khói và/hoặc bụi được tạo ra trong quá trình vận hành ở nhiệt độ cao chẳng hạn như hàn, thì phải cung cấp hệ thống thông gió toàn bộ cũng như cục bộ.

• Trang bị bồn rửa mắt và vòi rửa an toàn tại kho và nơi làm việc.

【Thiết bị bảo hộ cá nhân】

Lựa chọn thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp với tính chất công việc.

Hô hấp

• Mang thiết bị bảo vệ đường hô hấp phù hợp..

Tay

• Đeo găng tay bảo vệ.

Mắt

• Trang bị các thiết bị bảo vệ mắt theo đúng tiêu chuẩn như kính bảo hộ.

Da và cơ thể

• Mặc quần áo bảo hộ, bảo vệ mặt.

9. CÁC ĐẶC TÍNH LÝ HÓA

Dạng : Rắn (Thanh, Dây)

Màu : Bạc

Mùi : Không

Điểm nóng chảy : Xấp xỉ. 227°C (Chất rắn)-230°C (Chất lỏng)

Điểm sôi : Dữ liệu không có sẵn

Điểm bốc hơi : Không

Trọng lượng riêng : Xấp xỉ. 7.4 (25°C)

10. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

Khả năng phản ứng : Dữ liệu không có sẵn.

Tính ổn định hóa học : Ổn định ở nhiệt độ phòng và trong không khí.

Khả năng xảy ra những phản ứng nguy hiểm : < Thiếc (mang tính tham khảo) >

Phản ứng với các chất oxy hóa mạnh, axit, bazơ mạnh, halogen và lưu huỳnh.

Điều kiện cần tránh : Tiếp xúc với các vật liệu không tương thích.

Vật liệu không tương thích : < Thiếc (mang tính tham khảo) >

Vật liệu oxy hóa mạnh, axit và peroxide hữu cơ.

Sản phẩm phân hủy nguy hiểm : Dữ liệu không có sẵn.

11. THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

Dị ứng da : Cơ sở về nồng độ của các thành phần trong danh mục có liên quan trong sản phẩm được phân loại là Loại 1A.

12. THÔNG TIN SINH THÁI HỌC

: Dữ liệu không có sẵn.

13. LƯU Ý TIÊU HỦY

Chất thải : Vứt bỏ nội dung/thùng chứa theo quy định của địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế. Tránh đổ vật liệu bao gồm cả sản phẩm ở những nơi nó có khả năng tiếp xúc với đất, nguồn nước, kênh rạch hoặc cống rãnh.

Bao bì bị nhiễm bẩn : Trong trường hợp vứt bỏ các thùng chứa rỗng, có thể tái chế sau khi làm sạch hoặc vứt bỏ chúng sau khi loại bỏ hoàn toàn các chất bên trong. Tất cả các phương pháp xử lý phải tuân thủ tất cả các luật và quy định tại quốc gia hoặc khu vực hoạt động.

14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

【Quy định quốc tế】 : Vận chuyển đường biển phải tuân theo các quy định IMDG và vận chuyển hàng không theo quy định IATA-DGR

: Sản phẩm này không phải là hàng nguy hiểm.

Quy định quốc gia : Tuân thủ tất cả các quy định về vận chuyển tại quốc gia hoặc khu vực nơi sản phẩm đang được sử dụng.

Biện pháp đảm bảo an toàn đặc biệt

- Tránh tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng mặt trời, tránh làm hư hỏng bao bì trong quá trình xử lý có thể dẫn đến sự cố tràn đổ.

- Tránh rủi ro rơi đổ hàng hóa khi đóng gói.

- Không vận chuyển cùng với bất kỳ loại thực phẩm và thức ăn gia súc nào.

- Không chất bất kỳ vật nặng nào lên trên sản phẩm.

- Không xử lý các hộp chứa một cách bất cẩn.

15. THÔNG TIN QUY ĐỊNH (Nhật Bản)

Thông tin quy định liên quan đến vấn đề này ở quốc gia hoặc khu vực của bạn nên được kiểm tra xác nhận bởi trách nhiệm của bạn.

Luật An toàn và Sức khỏe Công nghiệp : Các chất nguy hiểm hoặc có hại phải được công bố

(Luật: Điều 57-2, Lệnh thi hành: Điều 18-2 Phụ lục Bảng 9)

Lệnh Nội các Số 322 Thiếc và các hợp chất của thiếc

Lệnh nội các số 379 Đồng và các hợp chất của Đồng

Luật kiểm soát ô nhiễm không khí : Chất gây ô nhiễm không khí nguy hiểm

Niken và các hợp chất của Niken (Các chất yêu cầu hành động ưu tiên là các hợp chất niken.)

Lệnh Nội các Số: 148 của Báo cáo lần thứ 9 của Hội đồng Môi trường Trung ương

Đồng và các hợp chất của đồng

Lệnh Nội các Số : 128 của Hội đồng Môi trường Trung ương Báo cáo lần thứ 9

Luật kiểm soát ô nhiễm nước :

Chất được chỉ định

Niken và các hợp chất của Niken: Lệnh nội các số 45

Đồng và các hợp chất của đồng: Lệnh nội các số 53

1. Hóa chất và thông tin công ty

Tên sản phẩm: Keo hàn không chì Keo hàn không chì

Mã sản phẩm: S3X48-M650-3

Tên công ty: Công ty TNHH Sản Xuất Koki

Ứng dụng và hạn chế sử dụng: Kem hàn để hàn

2. Tóm tắt mối nguy hiểm -phân loại GHS – Mối nguy hóa lý

Nguy hiểm cho sức khỏe:

- Ăn mòn/kích ứng da: Loại 3
- Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt: Loại 1
- da nhạy cảm : Loại 1
- Độc tính hệ thống/cơ quan mục tiêu cụ thể (phơi nhiễm đơn lẻ) Loại 2 (rối loạn hệ hô hấp)
- Độc tính cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm nhiều lần)

Ký Hiệu



Từ báo hiệu: Nguy hiểm

Tuyên bố nguy hiểm:

- H316 Kích ứng da nhẹ
- H318 Tổn thương mắt nghiêm trọng
- H317 Có thể gây phản ứng dị ứng da
- H371 Hít phải khói bạc kim loại nung nóng có thể gây tổn thương đường hô hấp
- H372 Gây tổn thương phổi do phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp đi lặp lại
- H373 Có thể gây hại cho mắt khi phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp đi lặp lại
- Có thể gây tổn thương đường hô hấp khi tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại (hít phải)
- Có thể gây tổn thương gan khi tiếp xúc lâu dài hoặc lặp đi lặp lại
- H402 Có hại cho thủy sinh vật
- H412 Có hại cho thủy sinh vật với những ảnh hưởng lâu dài
-

Tuyên bố phòng ngừa [Các biện pháp an toàn]

- P270 Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.
- P280 Đeo găng tay bảo hộ, bảo vệ mắt và bảo vệ mặt.
- P261 Không hít bụi, khói, khí, sương, hơi hoặc tia nước.
- P264 Rửa tay kỹ sau khi xử lý.
- P272 Đeo quần áo lao động bị nhiễm bẩn ra khỏi khu vực làm việc.
- P273 Tránh thải ra môi trường.

Các biện pháp khẩn cấp

- P302+P352 Nếu dính trên da, hãy rửa bằng nhiều nước và xả phòng.
- P305+P351+P338 Trong trường hợp tiếp xúc với mắt, rửa cẩn thận dưới vòi nước chảy trong ít nhất 15 phút.
- Nếu kính áp tròng có thể tháo ra dễ dàng, hãy tháo ra và rửa sạch.
- P363 Giặt quần áo bảo hộ bị nhiễm bẩn trước khi tái sử dụng.
- P309+P311 Nếu bị phơi nhiễm hoặc nếu bạn cảm thấy không khỏe, hãy nhờ tư vấn/chăm sóc y tế.
- P333+P313 Nếu da bị kích ứng hoặc phát ban, hãy xin tư vấn/chăm sóc y tế.
- P305+P310 Trong trường hợp tiếp xúc bằng mắt, hãy nhờ tư vấn/chăm sóc y tế.
- P314 Nếu bạn cảm thấy không khỏe, hãy nhờ tư vấn/chăm sóc y tế.

【kho】

- P405 Tiếp tục bị khóa.

【chất thải】

- P501 Vứt bỏ vào thùng chứa cho nhà thầu xử lý chất thải chuyên nghiệp được cấp phép bởi thống đốc tỉnh.
- Thuê ngoài để xử lý

3. Thành phần, thông tin thành phần

Phân biệt đơn chất và hỗn hợp: hỗn hợp

Tên hóa học hoặc thông thường: bột hàn, glycol ether: sáp, hỗn hợp nhựa thông và một lượng nhỏ axit hữu cơ

Thành phần, hàm lượng, CAS No.

Tên	Nồng độ	C A S N o	Số tham chiếu
Thiếc	82-88	7440-31-5	-
Bạc	2-3	7440-22-4	-
Đồng	0.1-1	7440-50-8	-

Hydrogenated Acid-Modified Rosins	1-3	-	-
Hydrogenated Rosin	1-3	-	-
2-(2-hexyloxyethoxy)ethanol	2-4	112-59-4	7-97
Diglyceryl tetraisostearate	1-3	121440-30-0	7-1145
Fatty acids	1-3	-	-
Imidazole compounds	1-3	-	-
Organic acids	1-3	-	-

4. Sơ cứu

Nếu hít phải:

- Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và để yên ở tư thế dễ thở
- Nhận chăm sóc y tế hoặc chẩn đoán

Nếu tiếp xúc da:

- Rửa sạch da với nhiều nước và xà phòng.
- Nếu bạn có bất kỳ thay đổi hoặc khó chịu nào trên da, hãy đến cơ sở y tế để được chăm sóc và chẩn đoán
- Giặt quần áo nhiễm bẩn trước khi tái sử dụng.

Nếu tiếp xúc mắt:

- Rửa cẩn thận dưới vòi nước chảy ít nhất 15 phút. sau đó đeo kính áp tròng
- Nếu nó có thể được gỡ bỏ dễ dàng, hãy loại bỏ nó. Tiếp tục giặt sau đó.
- Trong trường hợp tiếp xúc với mắt, được tư vấn và điều trị y tế.

Nếu nuốt phải:

- Tìm kiếm lời khuyên y tế và điều trị.
- Các triệu chứng cấp tính dự đoán và các triệu chứng cấp tính và chậm trễ dự kiến:
- Có thể gây hại cho hệ hô hấp nếu hít phải khói.
- Tiếp xúc kéo dài với da có thể gây phản ứng dị ứng da.
- Các dấu hiệu và triệu chứng quan trọng nhất
- Không có thông tin hữu ích tại thời điểm này.

Bảo vệ người sơ cứu:

- Nếu bạn có mặt nạ phòng độc dung môi hữu cơ, hãy đeo nó.

5. Biện pháp chữa cháy

Phương pháp chữa cháy: Chất chữa cháy bột, carbon dioxide, chất chữa cháy bọt

Các mối nguy hiểm cụ thể: Trong trường hợp hỏa hoạn, khói chì độc hại có thể được tạo ra.

Bảo vệ thiết bị chữa cháy: Mang thiết bị bảo vệ hô hấp nặng trong không khí.

6. Các biện pháp giảm nhẹ tai nạn

Các biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo vệ và quy trình khẩn cấp:

Tránh tiếp xúc với da. Công nhân nên mặc thiết bị bảo hộ. Cung cấp hệ thống thông gió đầy đủ.

Những phòng ngừa thuộc về môi trường:

Có thể không được thải ra môi trường mà không có sự cho phép thích hợp của chính phủ.

Phương thức thu thập:

Thu gom vật liệu bị đổ vào thùng chứa. Làm sạch cặn bằng axeton, chất pha loãng, v.v.

Lau sạch cẩn thận bằng một miếng vải vụn thấm dung môi hoặc chất tẩy rửa dầu.

Vứt bỏ vật liệu đã thu thập và vật liệu được sử dụng để thu thập theo Mục 13.

Thông tin thêm:

Xem thêm Phần 7 để biết thông tin về "Xử lý".

Xem phần 8 để biết thông tin về "thiết bị bảo hộ".

Xem phần 13 để biết thông tin về "xử lý".

7. Các biện pháp phòng ngừa để xử lý và lưu trữ

Sự điều khiển

1. Cẩn thận khi mở và xử lý
2. Ngăn ngừa hít phải và tránh tiếp xúc với mắt, niêm mạc và da. Mang thiết bị bảo hộ nếu cần thiết
3. Lắp đặt hệ thống thông gió cục bộ khi xử lý trong nhà.
4. Sau khi xử lý, rửa tay kỹ và thay quần áo nếu dính vào quần áo.

Thùng đựng hàng:

1. Sử dụng hộp đựng không bị hư hỏng, ăn mòn hoặc nứt vỡ.
2. Không xử lý các vật chứa một cách thô bạo, chẳng hạn như lật ngược chúng, gây sốc cho chúng hoặc kéo lê chúng.
3. Cẩn thận không làm đổ khi cho vào và lấy ra khỏi hộp.
4. Do tính điện có thể được tạo ra bởi dòng chảy, nên thùng chứa để xếp dỡ phải được nối đất.

Kho

1. Tránh ánh nắng trực tiếp và bảo quản hộp ở nơi tối, mát dưới 10°C.
2. Không bảo quản cùng nơi với axit mạnh và chất oxy hóa mạnh.
3. Bảo quản tránh ẩm.

8. Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

Nồng độ cho phép (giá trị giới hạn tiếp xúc, chỉ số tiếp xúc sinh học)

	Thiếc	Bạc	Đồng
QUY ĐỊNH	-	0.01mg/m ³	-
ACGIH TLV: (ACGIH TLV: (TWA)	2mg/m ³	0.1mg/m ³	1mg/m ³

Kiểm soát kỹ thuật: Sử dụng thiết bị điện, thông gió và chứng nhận chống cháy nổ do nhà sản xuất chỉ định.

Thực hiện các biện pháp để phòng chống phóng tĩnh điện.

Đặt các khu vực thông gió thoát khí cục bộ, rửa mặt, rửa mắt và rửa tay và hiển thị vị trí.

Bảo vệ đường hô hấp: Mang thiết bị bảo vệ hô hấp phù hợp

Bảo vệ tay: Mang găng tay bảo hộ phù hợp

Bảo vệ mắt: Đeo kính bảo vệ mắt phù hợp.

Ví dụ: kính bảo hộ (loại kính bình thường, loại kính bình thường có tấm bên, loại có kính bảo hộ)

Bảo vệ da và cơ thể: Mặc quần áo bảo hộ, ủng và tạp dề phù hợp.

Các biện pháp vệ sinh: Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.

Sau khi xử lý phải Rửa tay kỹ.

9. Các tính chất vật lý và hóa học

- Thể: Rắn
- Màu: Xám
- Mùi: Mùi dung môi nhẹ
- Nhiệt độ nóng chảy: 217°C
- Nhiệt độ sôi: 258°C
- Điểm đánh lửa: 140°C
- Trọng lượng riêng: 4~5g/cm³
- Độ Tan: Ít tan trong nước